TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------O0O-------

Bản án số: **17/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Viết Tuấn -** Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân**:** **Bà Đặng Thị Nhác**

Ông Nguyễn Xuân Tiền

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Minh Tú** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: **Bà Lê Thị ThúyHà** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 785/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên toà ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Phạm Quang Đ – Sinh năm 1988**

HKTT: HVHC-NT-Long Biên-Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 18 TT – Long Biên – Hà Nội

*** Bị đơn**: **Chị Phạm Thị Mai L – Sinh năm 1987**

HKTT:KC-Yên Khánh – Ninh Bình

Địa chỉ: Tổ 18 TT – Long Biên – Hà Nội

(Anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án anh Phạm Quang Đ là Nguyên đơn trình bày:**

Anh và chị Phạm Thị Mai L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hụn vào ngày 15/3/2013 Tại UBND phường NT – Long Biên- Hà Nội.

Từ khi kết hôn với chị L vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do trong cuộc sống có nhiều điểm bất đồng do không hòa hợp về chuyện tình cảm vợ chồng. Nhiều lần anh chủ động trao đổi với chị L để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị L không nghe đi từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Anh đã làm đơn ra tòa xin ly hôn chị L từ giữa năm 2016 nhưng sau đó anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ.Kể từ khi anh rút đơn về nhưng không cải thiện được về mặt tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả do đó đến nay anh thấy không còn khả năng đoàn tụ với chị L vì tình cảm vợ chồng đã hết mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nên anh đề nghị được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng tôi không có con chung

- Về tài sản chung:

+Về động sản: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết

+Về bất động sản:Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn trong vụ án Chị Phạm Thị Mai L, trong quá trình toà án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Toà án để hoà giải, công khai chứng cứ về việc anh Đ xin ly hôn nhưng chị L vắng mặt không có lý do và không có bất kỳ lời khai nào trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.**

Tại phiên toà anh Đ vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ các lời khai, yêu cầu của mình không có ý kiến gì bổ sung và không có đề nghị đưa thêm người vào tham gia tố tụng trong vụ án

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, chống đối không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình.

*Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn đầy đủ theo pháp luật. Nay anh Đ thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn

khả năng đoàn tụ nên xin ly hôn chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

- Về con chung: Anh chị không có con chung

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu tòa giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Quang Đ xin ly hôn chị Phạm Thị Mai L hiện có hộ khẩu thường trú tại KC-Yên Khánh-Ninh Bình. Qua tài liệu chứng cứ thu thập được thì hiện nay chị L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không ăn ở cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Mặt khác qua tài liệu chứng cứ do anh Đ xuất trình và qua xác minh tại công an TT thì chị L và anh Đ có đăng ký tạm trú tại tổ 18 TT-Long Biên-Hà Nội. Do vậy việc anh Đ khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên-Hà Nội.

- Bị đơn trong vụ án chị Phạm Thị Mai L trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, được toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 23/02/20178Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng chị L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 13/3/2018. Tại phiên toà ngày 13/3/2018 chị L tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai chị L vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được toà án tống đạt hợp lệ, đồng thời anh Đ là nguyên đơn cũng có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị Llà phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Quang Đ và chị Phạm Thị Mai L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hụn vào ngày 15/3/2013 Tại UBND phường NT – Long Biên- Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn với chị L vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do trong cuộc sống có nhiều điểm bất đồng do không hòa hợp về chuyện tình cảm vợ chồng. Nhiều lần anh Đ chủ động trao đổi với chị L để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng chị L không nghe đi từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Anh Đ đã làm đơn ra tòa xin ly

hôn chị L từ giữa năm 2016 nhưng sau đó anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Kể từ khi anh Đ rút đơn về nhưng không cải thiện được về mặt tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả.

Xét thấy việc anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân đã trải qua một thời gian dài. Qua trao đổi với gia đình hai bên thì gia đình cũng đã gặp cả hai anh chị để hoà giải nhưng anh Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị L không xuất trình bất cứ tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc đưa ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà luôn luôn có thái độ chống đối không hợp tác cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình. Toà án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do và cố tình vắng mặt trong các buổi hoà giải, công khai chứng cứ, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị L là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung giữa anh Đ và chị L không thể kéo dài do mâu thuẫn trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Quang Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

- **Về nợ chung:** Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử chị L bị đơn, không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:**

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Quang Đ. Anh Đ được ly hôn chị Phạm Thị Mai L.

2. Về con: Không có

3.Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Chị L bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Anh Phạm Quang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 6372 ngày 18/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay được trừ vào số tiền án phí mà anh phải chịu.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND Q. Long Biên;*
- *Chi cục THADS Q. Long Biên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Viết Tuấn